

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2026

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU
LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
SỐ 08/2026/QH16

Ngày 23/4/2026, tại Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khoá XVI đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 08/2026/QH16 (sau đây gọi là “Luật”).

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 26/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới”.

- Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế.

- Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025.

- Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại.

- Một số văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành có quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện như Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023 và năm 2025), Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019 và 2023), Luật Tương trợ tư pháp về dân sự năm 2025...

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Luật CQĐD”) được Quốc hội khóa XII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18/6/2009, có hiệu lực từ ngày 02/9/2009, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Luật CQĐD ra đời đã tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất góp phần tăng cường hiệu quả tổ chức bộ máy và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các CQĐD Luật là cơ sở để thực hiện thống nhất quản lý đối ngoại, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại của Việt Nam tại quốc gia, tổ chức tiếp nhận, phát huy tối đa nội lực và ngoại lực nhằm đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai Luật CQĐD cũng bộc lộ một số khó khăn, bất cập như sau:

Thứ nhất, liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của CQĐD: Luật hiện hành tập trung các nội dung hợp tác truyền thống, chưa điều chỉnh theo tình hình quốc tế đối với các vấn đề của thời đại, do đó, cần cập nhật những chức năng, nhiệm vụ mới cho CQĐD; Cơ chế phối hợp công tác giữa CQĐD và các bộ, ngành, địa phương còn tình trạng chưa thông suốt, thiếu chủ động và còn phụ thuộc; chưa có quy định về ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của CQĐD; nhu cầu ký kết văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài của CQĐD nhưng chưa có quy định điều chỉnh; pháp luật hiện hành chưa có các quy định riêng về sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán; đồng tiền hạch toán, sử dụng tỷ giá trong pháp luật về kế toán chưa tính đến đặc thù hoạt động của CQĐD.

Thứ hai, liên quan đến công tác lãnh sự: chưa có quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đối với việc quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Lãnh sự danh dự; chưa có quy định về việc cơ quan nào có thẩm quyền quyết định xác lập/mở rộng/thu hẹp khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện Lãnh sự.

Thứ ba, liên quan đến chế độ, chính sách đối với thành viên CQĐD và thân nhân, tuy đã được cải thiện song chế độ đãi ngộ, phụ cấp dành cho thành viên CQĐD còn thấp so với mặt bằng chung, chưa đáp ứng được mức sinh hoạt tại sở tại, đặc biệt là tại các địa bàn có chi phí sinh hoạt, chỉ số tiêu dùng, mức độ lạm phát cao.

Thứ tư, một số quy định tại Luật hiện hành chưa phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG LUẬT

1. Quan điểm

a) Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về đối ngoại, đặc biệt là chủ trương hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả; về đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển; về nâng cao hiệu quả đầu tư công và đẩy nhanh giải ngân đầu tư công. Đồng thời, thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối mới của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước tại 07 Nghị quyết được ban hành trong thời gian gần đây - tiền đề, cơ sở chính trị, pháp lý đặc biệt quan trọng để phát triển đất nước trong giai đoạn mới với mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 con số và thực hiện thành công hai mục tiêu 100 năm.

b) Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các quy định pháp luật liên quan.

c) Tăng cường cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đối ngoại theo tinh thần các Nghị quyết, Kết luận của cấp có thẩm quyền và quy định pháp luật; đơn giản hóa trình tự, thủ tục theo thực tế, bảo đảm tính hợp lý, khả thi, linh hoạt, chặt chẽ, gắn với trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

d) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

đ) Nghiên cứu kế thừa các quy định còn phù hợp và khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật CQĐD năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

e) Bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tính thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam để bảo đảm tính khả thi.

2. Mục đích

Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài nhằm khắc phục một số hạn chế, bất cập của Luật CQĐD năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động của CQĐD *đáp ứng các yêu cầu mới của tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thực hiện thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại, tăng cường tính chuyên nghiệp trong hoạt động của cơ quan đại diện, đáp ứng yêu cầu về chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền của Đảng và Nhà nước, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, góp phần xây dựng nền ngoại giao hiện đại, thể hiện vị trí của công tác đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên.*

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT

Quá trình xây dựng Luật đã tuân thủ đầy đủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành cũng như chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Bố cục của Luật

Luật gồm 02 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), gồm 15 khoản.

Điều 2. Điều khoản thi hành, gồm 02 khoản: khoản 1 quy định về ngày hiệu lực và khoản 2 quy định về việc sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2023/QH15).

2. Nội dung cơ bản của Luật

a) Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và tăng cường tính chuyên nghiệp, hiện đại của CQĐD

- Mở rộng phạm vi chức năng, nhiệm vụ của CQĐD đáp ứng yêu cầu của tình hình mới: Luật bổ sung phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của các CQĐD bao gồm công tác đối ngoại và các lĩnh vực hợp tác mới chưa được thể chế hóa trong Luật, công tác xây dựng và thi hành pháp luật tại quốc gia tiếp nhận, thúc đẩy giao lưu nhân dân, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển và hoạt động tại quốc gia tiếp nhận, theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện cam kết quốc tế; bổ sung nhiệm vụ của CQĐD trong việc dự báo để ứng phó với tình hình thực tế, các chính sách kinh tế thương mại và biện pháp mà phía nước ngoài có thể áp dụng đối với Nhà nước, doanh nghiệp Việt Nam; vận động các quốc gia và tổ chức quốc tế ghi danh, công nhận di sản văn hóa; làm rõ hơn chức năng bảo hộ công dân và cơ chế ứng phó

trong tình huống khẩn cấp (*thể hiện tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1*).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về các chức vụ ngoại giao đặc thù tại CQĐD để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế: Đại biện, Tùy viên Quốc phòng, Phó Tùy viên Quốc phòng, Trợ lý Tùy viên Quốc phòng, và chức vụ ngoại giao đặc thù khác theo lĩnh vực chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định (*thể hiện tại khoản 9 Điều 1*).

- Về công tác người Việt Nam ở nước ngoài, chỉnh sửa chức năng của CQĐD theo hướng khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn bản sắc dân tộc, thúc đẩy bảo tồn và lan tỏa tiếng Việt, chữ viết tiếng Việt (*thể hiện tại khoản 3 Điều 1*).

- Về cơ chế phối hợp để thực hiện quản lý thống nhất đối ngoại: (i) Quy định cụ thể hơn trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và cơ chế phối hợp công tác giữa các cơ quan này và CQĐD; (ii) Bổ sung quy định chế độ báo cáo công tác của các cơ quan bên cạnh CQĐD, các bộ phận cán bộ biệt phái trực thuộc CQĐD về các lĩnh vực phụ trách (*thể hiện tại các khoản 4, 13 và 14 Điều 1*).

- Bổ sung các quy định nhằm thúc đẩy khoa học công nghệ, chuyên đổi số trong hoạt động của CQĐD: (i) bổ sung chức năng phối hợp thực hiện chuyển giao công nghệ, thu hút chuyên gia, nhà khoa học làm việc, đóng góp cho sự phát triển của đất nước của CQĐD; (ii) bổ sung quy định CQĐD tham gia, triển khai chuyển đổi số trong hoạt động và giao dịch của cơ quan đại diện, phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp quốc tế, pháp luật và điều kiện quốc gia tiếp nhận; (iii) bổ sung quy định về việc người đứng đầu CQĐD chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của CQĐD và quản lý, vận hành CQĐD theo quy định của pháp luật (*thể hiện tại khoản 1, khoản 5 và điểm b khoản 10 Điều 1*).

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về kinh phí của CQĐD: (i) Bổ sung quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước và nội dung công tác kế toán tại các CQĐD được thực hiện bằng đồng đô-la Mỹ và đồng địa phương quy đổi ra đồng Việt Nam; (ii) Sửa đổi quy định về kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản theo hướng kinh phí chi đầu tư phát triển được cấp cho Bộ Ngoại giao để phân bổ cho cơ quan đại diện, trừ dự án đầu tư xây dựng của các cơ quan trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và thương mại; (iii) Bổ sung quy định Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác tại CQĐD sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước (*thể hiện tại khoản 7 Điều 1*).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền theo hướng mở rộng đối tượng được bổ nhiệm, theo đó cần có đã có thời gian giữ chức vụ phó vụ trưởng hoặc tương đương trở lên hoặc đã được phong hàm ngoại giao từ Tham tán trở lên hoặc là chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế được công nhận theo quy định của Chính phủ; đồng thời bổ sung tiêu chuẩn có năng lực tổ chức thực hiện chuyển đổi số (*thể hiện tại khoản 8 Điều 1*).

b) Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong công tác quản lý CQĐD

- Bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc: (i) quyết định việc kéo dài nhiệm kỳ công tác của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, thời hạn kéo dài nhiệm kỳ tối đa không quá 36 tháng; (ii) Chỉ đạo người đứng đầu cơ quan đại diện về nước trên cơ sở yêu cầu công tác đối ngoại hoặc quản lý; trường hợp cần thiết, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm người đứng đầu cơ quan đại diện theo quy định; (iii) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và trên cơ sở thỏa thuận với quốc gia tiếp nhận, quyết định việc xác lập, điều chỉnh khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài; (iv) ban hành quy định về nguyên tắc giải quyết công tác lãnh sự, việc ký giấy tờ lãnh sự tại cơ quan đại diện; (v) Quy định việc thành lập, tạm đình chỉ, chấm dứt hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, hoạt động của Lãnh sự danh dự (*thể hiện tại khoản 12 Điều 1*).

- Bổ sung, làm rõ thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về tổ chức bộ máy và biên chế của CQĐD, theo đó, căn cứ tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho các CQĐD, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các cơ quan hữu quan xây dựng đề án tổng thể về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của cơ quan đại diện. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án. Đồng thời, bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định điều chuyển biên chế thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan đại diện; quyết định điều chuyển biên chế là cán bộ biệt phái giữa các cơ quan đại diện trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ biệt phái và ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; việc điều chuyển biên chế giữa các cơ quan đại diện được thực hiện căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, địa bàn công tác và bảo đảm nguyên tắc không vượt quá tổng chỉ tiêu biên chế được giao cho các cơ quan đại diện (*thể hiện tại khoản 6 Điều 1*).

- Bổ sung quy định thẩm quyền của CQĐD trong việc việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác giữa cơ quan đại diện với đối tác nước ngoài trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện. Việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (*thể hiện tại điểm a khoản 10 Điều 1*).

c) Chế độ, chính sách đối với thành viên CQĐD và thân nhân

- Bổ sung chế độ trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trường hợp xung đột vũ trang gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện; thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với một số địa bàn kiêm nhiệm (*thể hiện tại điểm a và điểm b khoản 11 Điều 1*).

- Cho phép con chưa thành niên đi theo thành viên CQĐD được hưởng chế độ vé máy bay tương tự như đối với vợ hoặc chồng thành viên CQĐD và trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trường hợp xung đột vũ trang gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện. Cho phép con đi theo thành viên cơ quan đại diện được hỗ trợ học phí hằng tháng tối đa bằng mức sinh hoạt phí cơ sở cho đến hết bậc trung học phổ thông tại quốc gia tiếp nhận (*thể hiện tại điểm c khoản 11 Điều 1*).

d) Một số nội dung khác nhằm khắc phục mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành và một số nội dung cần quy định rõ hơn tại Luật

- Bỏ quy định về việc cấp giấy thông hành của CQĐD để phù hợp với quy định tại Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, sửa đổi năm 2023; bỏ quy định về việc bổ sung thị thực của CQĐD để phù hợp với quy định tại Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014, sửa đổi năm 2019, 2023; thay cụm từ “*ủy thác tư pháp*” bằng quy định “*Thực hiện một số nhiệm vụ về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự, tương trợ tư pháp về dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*” (*thể hiện tại khoản 2 Điều 1*).

- Bãi bỏ các quy định liên quan đến Lãnh sự danh dự Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu tại Luật hiện hành để tránh việc hiểu nhầm Lãnh sự danh dự là thành viên CQĐD và được hưởng các quyền, nghĩa vụ như thành viên CQĐD (*thể hiện tại khoản 15 Điều 1*).

- Bỏ từ “*thanh tra*” trong “*thống nhất chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại và ... theo quy định của pháp luật*” tại khoản 4 Điều 32 Luật năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để phù hợp với Luật Thanh tra năm 2025 và Nghị định 217/2025/NĐ-CP (*thể hiện tại điểm e khoản 12 Điều 1*).

đ) Về điều khoản thi hành

Điều 2 Luật quy định về ngày có hiệu lực của Luật và quy định về việc sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2023/QH15) theo hướng

bổ sung thêm đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao là người giữ chức vụ ngoại giao đặc thù theo quy định của Luật CQĐD do Luật đã sửa đổi Điều 18 Luật CQĐD hiện hành theo hướng bổ sung quy định về chức vụ ngoại giao đặc thù.

V. HIỆU LỰC VÀ TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

1. Hiệu lực thi hành

Luật có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026.

2. Các nội dung triển khai thi hành Luật

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về nội dung của Luật.
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.
- Xây dựng các văn bản hành chính hướng dẫn triển khai Luật.
- Xây dựng Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
- Xây dựng Đề án tổng thể về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của cơ quan đại diện giai đoạn 2026 – 2030 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Tổ chức kiểm tra thi hành Luật và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật./.

BỘ NGOẠI GIAO